TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2023
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Len.

2. Bà Nguyễn Thị Thêu.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Anh **Trần Trung Đ** - Sinh năm 1994.

ĐKHKTT: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

* *Bị đơn:* Chị **Bùi Thị H** - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐQ, huyện TH, tỉnh TB.

(Anh Đ, chị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn; Bản tự khai; Đơn xin vắng mặt; Nguyên đơn - anh Trần Trung Đ trình bày:* Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện TH, tỉnh TB ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 4/2018, anh sang Đài Loan làm ăn, sinh sống. Tháng 8/2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách địa lý xa xôi, hai bên không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh và chị H nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng các mâu thuẫn vẫn không thể giải quyết được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị H.

Anh và chị Bùi Thị H không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên không thể về Việt Nam tham gia tố tụng tại Tòa án, anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

** Tại Bản tự khai; Đơn đề nghị về việc giải quyết, xét xử vắng mặt; Bị đơn - chị Bùi Thị H trình bày:* Chị và anh Trần Trung Đ tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tây An, huyện TH, tỉnh TB ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Cùng tháng 4/2018, anh Đ sang Đài Loan lao động, làm ăn. Tháng 8/2018, chị và anh Đ bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do khoảng cách địa lý xa xôi, hai bên không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh Đ nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng các mâu thuẫn không thể giải quyết được. Nay anh Đ xin ly hôn chị nhất trí.

Chị và anh Trần Trung Đ không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* **Về tố tụng***:* Anh Trần Trung Đ, chị Bùi Thị H có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt hợp lệ, áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Trần Trung Đ kết hôn hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TA, huyện TH, tỉnh TB ngày 16/4/2018. Sau khi kết hôn tháng 4/2018 anh Đ sang Đài Loan lao động, làm ăn. Đến tháng 8/2018, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do khoảng cách địa lý xa xôi, hai bên không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã hoà giải đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay anh Đ xin ly hôn, chị H đồng ý, thể hiện mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Vì vậy, áp dụng khoản 1

Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trần Trung Đ được ly hôn chị Bùi Thị H là phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung và tài sản, nợ chung: Anh Trần Trung Đ và chị Bùi Thị H không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung, vì vậy không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Trần Trung Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Trung Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Trung Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Trần Trung Đ nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005623 ngày 31/3/2023 (do anh Nguyễn Chí N nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Trần Trung Đ, chị Bùi Thị H. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TB;
- Cục THADS tỉnh TB;
- UBND xã Tây An, h.TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 27/4/2023; Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh TB.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Hoàng Thị Len

- Bà Nguyễn Thị Thêu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 36/2023/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Trần Trung Đ** - Sinh năm 1994.

ĐKHKTT: Tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TB.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan

** Bị đơn:* Chị **Bùi Thị H** - Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn TL, xã ĐQ, huyện TH, tỉnh TB.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

A. Về điều luật áp dụng: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/3 Nhất trí

B. Quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Trung Đ được ly hôn chị Bùi Thị H.

2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Trung Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh Trần Trung Đ nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005623 ngày 31/3/2023 (do anh Nguyễn Chí N nộp thay) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh TB sang thi hành án phí.

3/3 Nhất trí

C. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Trung Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, chị Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

3/3 Nhất trí

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phương Thảo